

Số: 41/2025/QĐCNHGT-DS

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của bà Phạm Thị Vân A và ông Nguyễn Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản không đề ngày, tháng, năm của bà Phạm Thị Vân A.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Bà **Phạm Thị Vân A**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, tỉnh Tuyên Quang

+ Người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1946

Địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2025, cụ thể như sau:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Vân A số tiền 1.142.553.000đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 1.105.500.000đ (Một tỷ, một trăm linh năm triệu, năm trăm nghìn đồng) và nợ lãi là 37.053.000đ (Ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi ba nghìn đồng), trả dần làm 04 lần, hạn trả chậm nhất vào ngày 31/10/2025.

- Lần 1: Chậm nhất ngày 31/7/2025, ông T trả cho bà Vân A số tiền 242.553.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).
- Lần 2: Chậm nhất ngày 31/8/2025, ông T trả cho bà Vân A số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).
- Lần 3: Chậm nhất ngày 30/9/2025, ông T trả cho bà Vân A số tiền 300.000.000đ Ba trăm triệu đồng).
- Lần 4: Chậm nhất ngày 31/10/2025, ông T trả cho bà Vân A số tiền 300.000.000đ Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

“Quyết định nêu trên được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huyền Trang

